

TÔN GIÁO VỚI CHÍNH TRỊ TRONG XÃ HỘI MỸ

Tóm tắt: Hầu hết người Mỹ đều nhận thấy sự quan trọng của tôn giáo với chính trị nhưng sự quan trọng đó khác với cách họ vẫn nghĩ. Tôn giáo tác động rõ ràng đến tất cả các mặt trong đời sống chính trị ở Mỹ, từ những người dân thường tới các nhà chính trị hàng đầu, tác động của nó có trong các luật thông thường tới các chương trình hành động của chính phủ. Tôn giáo ở Mỹ không chỉ là một sức mạnh siêu nhiên vô hình mà nó có mặt trong việc thay đổi hành vi chính trị của mỗi người. Tại sao lại như vậy? Bài viết này sẽ phân nào lý giải những vấn đề đó.

Từ khóa: Tôn giáo, chính trị, xã hội, thế tục, Mỹ.

1. Tôn giáo trong chính trị Mỹ

Việc lựa chọn tổng thống là một người Công giáo ở một khu vực bầu cử có phần lớn cử tri là người Tin Lành trong cuộc bầu cử năm 1960 được tán dương như một sự kết thúc ảnh hưởng của tôn giáo đến chính trị của nước Mỹ. Các cuộc bầu cử tiếp theo cho thấy nhận định trên là quá vội vàng. Năm 2008, trong chiến dịch vận động tranh cử, các ứng cử viên có quá nhiều buổi nói chuyện về chủ đề “Cuộc trò chuyện của Chúa” (God talk) đã khiến một vị bộ trưởng phản đối rằng “các ứng cử viên Nhà Trắng dường như thích vị trí lãnh đạo nhà thờ hơn là một tổng tư lệnh”¹. Năm 2012, ứng viên tổng thống của hai đảng chính không nói đến tôn giáo, nhưng họ cũng không thể bỏ qua chủ đề tôn giáo trong chiến dịch tranh cử. Tôn giáo của chính các ứng cử viên là điều cử tri có thể lựa chọn².

Hơn nữa, những năm gần đây, trong chương trình nghị sự quốc gia Mỹ luôn bao gồm những vấn đề nóng gây tranh cãi trong nước động chạm sâu sắc tới niềm tin và quan điểm tôn giáo, chẳng hạn như phá thai, vai trò của phụ nữ trong xã hội, khiêu dâm, đồng tính, nghiên cứu tế bào gốc, và việc làm chết không đau đớn. Những tranh luận về thờ cúng và thực hiện những nghi lễ tôn giáo tại nơi công cộng và việc giới hạn

* TS., Khoa Chính trị học, Trường Đại học KHXH&NV - Đại học Quốc gia Hà Nội.

những trợ giúp của chính quyền với các tổ chức tôn giáo cho thấy các cuộc tranh cãi đã vượt qua cả mối quan hệ giữa giáo hội với nhà nước. Thậm chí những tranh cãi gia tăng từ nhận thức “đạo đức” về các nội dung trong lĩnh vực kinh tế như thuế và tiêu dùng đường như cũng đã vượt qua những quan tâm truyền thống của tôn giáo³.

Kết quả của cuộc bầu cử năm 2012 đã không thể làm tan đi sự phân cực nặng nề vẫn còn xảy ra ở Washington D.C. Sự khó khăn trong thỏa hiệp là câu chuyện hiện thời của chính trị Mỹ có lẽ có phần liên quan chặt chẽ của tôn giáo. Trong quá khứ, hình bóng tôn giáo trong các thành viên quốc hội của Đảng Dân chủ và Đảng Cộng hòa dường như khá giống nhau, mặc dù một số nhóm tôn giáo có khuynh hướng ủng hộ đảng này nhiều hơn đảng kia. Nhưng hơn 40 năm qua, sự khác biệt tôn giáo giữa các đại diện của Đảng Cộng hòa và Đảng Dân chủ trong quốc hội Mỹ là khá nhỏ. Các dấu hiệu ngày càng nhiều cho thấy sự “sắp xếp” tôn giáo của các đảng phái có lẽ do sự phân cực của cả các vấn đề văn hóa với những vấn đề tranh luận công khai của tôn giáo (phá thai, đồng tính) và sự không đồng tình ngày càng lớn về vai trò của chính phủ trong kinh tế⁴. Có thể thấy người Tin Lành Phúc Âm dường như hoàn toàn là thành viên Đảng Cộng hòa và người Do Thái tập trung ở Đảng Dân chủ, các liên minh đảng phái thì trở nên phong phú hơn về ý thức hệ trước một loạt các vấn đề. Sự phân cực tăng lên theo phe phái phản ánh sự khác biệt về văn hóa và ý thức hệ, trong đó sự khác biệt về tôn giáo là tác động chính. Thông tin từ Bộ Ngoại giao Mỹ còn cho thấy vấn đề tôn giáo không chỉ giới hạn ở chính trị trong nước mà tôn giáo ngày càng là một nhân tố quan trọng trong chính sách đối ngoại⁵.

Tôn giáo ở Mỹ cho đến nay có một thời gian dài định hình trung tính cùng với xã hội thế tục. Tôn giáo là một tổ chức đặc biệt, được Hiến pháp thừa nhận vai trò của nó một cách giới hạn đối với cộng đồng và tham gia vào một tôn giáo là một lựa chọn mang tính cá nhân, không có lợi ích với chính quyền. Các tổ chức tôn giáo hoạt động theo pháp luật, không có sự phân biệt với các tổ chức xã hội từ thiện và phi lợi nhuận. Các tổ chức này đều tự quản trong hoạt động, được quyền điều hành các dịch vụ nhưng cũng là đối tượng bị điều chỉnh của pháp luật chung. Hầu hết các tổ chức xã hội chủ yếu hoạt động theo các quy phạm nghề nghiệp cơ bản hơn là theo cách nhìn nhận của tôn giáo. Cùng với việc giảm dần trải nghiệm ơn thánh, các thế hệ người Mỹ dần làm sáng tỏ các hiện tượng bằng khoa học và các quy luật tự nhiên. Nhiều học thuyết chính thống và nhiều hình thức

sùng bái đã được bỏ hoặc điều chỉnh bởi những người có thẩm quyền trong giáo hội. Nhưng những sự thay đổi đó không khiến cho sự suy giảm niềm tin tăng lên. Không thể phủ nhận một số tôn giáo mất đi sự hấp dẫn, sự ngưỡng mộ và mất đi các tín đồ hoặc làm nhiều người Mỹ trở nên thờ ơ hoặc đối kháng với tôn giáo. Tuy nhiên, những yếu tố suy giảm này lại được bù đắp bởi sự lớn mạnh của một số tôn giáo, sự theo đuổi những niềm tin mới, sự phục hồi hấp dẫn trở lại của một số tôn giáo, và sự lan tỏa cảm nhận tôn giáo đối với những người thế tục riêng biệt⁶.

Một số người Mỹ tin rằng tôn giáo đóng vai trò sâu sắc đối với thời kỳ ban đầu khi xây dựng chế độ cộng hòa khi mà Hiến pháp được hiểu là sự hợp nhất của “giáo huấn Kitô giáo (Christianity), chính quyền dân sự và Chúa”⁷. Đối với những người tán thành ý kiến này thì những người sáng lập nước Mỹ có ý định cho Kitô giáo một vị trí đặc quyền trong quốc gia mới, và các thế hệ sau khởi đầu kế hoạch đó bằng sự phân tách gượng ép tôn giáo khỏi chính quyền⁸. Đối với những người có thái độ trung dung, những người phê bình khác, họ thừa nhận sự quan trọng của những nhận thức tôn giáo thời kỳ đầu lập quốc nhưng đưa ra những kết luận hoàn toàn khác về vai trò mong đợi của tôn giáo. Theo họ, những người khai quốc thường được miêu tả như những nhà thần luận và nhà tư tưởng học tự do, những người đã chỉ trích mạnh mẽ vào những khuôn khổ truyền thống của tôn giáo, do đó họ viết Hiến pháp để tạo lập một quốc gia thế tục hoàn hảo. Chỉ khi bị đưa vào “chân tường của sự phân hóa” cao và không thể lay chuyển được giữa nhà nước và giáo hội, những người giữ cách nhìn nhận này cho rằng lúc đó Tòa án Tối cao hành động thay thế hoàn hảo cho mệnh lệnh của những người lập quốc.

Tiếp cận của người Mỹ với những vấn đề giới hạn và tự do tôn giáo trong thực tế được định hình trong câu văn ở bản Hiến pháp sửa đổi lần thứ nhất: “Nghị viện không nên xây dựng luật liên quan tới việc thiết lập tôn giáo, hoặc ngăn cấm sự tự do thực hành của nó”. Hai mệnh đề và việc cấm này đối với “tiêu chí đánh giá tôn giáo” đối với công sở (“religious tests” for public office) được quy định tại Điều VI chỉ là sự liên quan chính thức của Hiến pháp đối với tôn giáo. Sự ngắn gọn trong Hiến pháp tiếp tục nảy sinh tranh luận cho đến nay về những loại hành động nào được phép của chính quyền đối với tôn giáo và mức độ mỗi cá nhân có thể yêu cầu tôn giáo bảo hộ thể nào cho việc xâm phạm luật thế tục. Lời văn này của Hiến pháp về tôn giáo, cũng giống như đối với nhiều vấn đề khác, tiếp tục được diễn đạt khác nhau từ thế hệ này tới thế hệ khác.

Những tranh luận về nghĩa chính xác của các từ trong những bối cảnh khác nhau, mỗi sự quan tâm khác nhau, và những sự vụ khác nhau là sự thử thách cho những tranh cãi sau đó. Tuy nhiên, sự dữ dội của các cuộc tranh luận đó không thể làm mất đi được sự thống nhất mạnh mẽ về vai trò của tôn giáo trong nhà nước⁹.

Khuôn khổ Hiến pháp quy định mối quan hệ giữa nhà nước và giáo hội một phần là kết quả của những nhận thức thời kỳ khai sáng của các nhà lập quốc. Với điều kiện mối quan hệ đó “phổ biến, không tổ chức, và tự nguyện”¹⁰, tôn giáo sẽ đóng góp tốt cho chính quyền bằng giáo dục sự kiềm chế và không ngừng tận tâm với việc thiện. Nó như thể được xác nhận là thứ làm tin, chẳng hạn, Washington trong bài diễn văn từ biệt đã nói tới sự quan trọng của tôn giáo với đạo đức. Trong nhận thức của Washington, tôn giáo là một nhân tố có tiềm năng ổn định nền cộng hòa. Tuy nhiên, những nhà sáng lập vẫn băn khoăn khi tôn giáo trong một hình thức tổ chức đặc biệt bị ép buộc có thể gây ra nguy hiểm lớn đối với sự ổn định và danh tiếng của nền cộng hòa¹¹. Ngoài sự ngăn cấm đơn giản của nhà nước đối với việc hỗ trợ giáo hội hoặc cho họ đặc quyền, những nhà sáng lập đó bị ảnh hưởng của tư tưởng khai sáng tiếp tục cho rằng chính quyền “không nên đưa ra nhận xét hoặc chứng thực biểu tượng nào, hoặc những hiểu biết về tôn giáo” và cũng không nên “thông qua luật hoặc chính sách tôn giáo hoàn thiện hoặc những luận cứ tôn giáo”¹². Những nhận thức đó là nguyên nhân gây ra những chia rẽ đương thời.

Sự thay đổi triệt để văn kiện của Tòa án Tối cao về giáo hội - nhà nước vào những năm 1940 đã không xảy ra riêng rẽ. Việc thay đổi là khuynh hướng chung của công lý dẫn tới việc sửa đổi Hiến pháp lần thứ nhất trong hành động của nhà nước với chính quyền địa phương. Nhưng ngoài sự thay đổi chung trong việc diễn giải Hiến pháp này, thì quyết định của Tòa án được thúc đẩy bởi các hoạt động chính trị mạnh mẽ của cơ sở đã đưa vấn đề quan hệ giáo hội - nhà nước lên mức độ cao trong trường trình nghị sự quốc gia¹³.

Chẳng hạn, nhiều luật trợ giúp của bang được Tòa án Tối cao đánh giá trong nhiều thập niên sau Thế chiến II được sinh ra bởi các nhóm tôn giáo như cách thức tài trợ trường học của giáo hội. Vì hầu hết những trường học đó là trường Công giáo, nên các nhóm tài trợ chính cho các trường học trong giáo xứ là các tổ chức Công giáo. Ngoài ra là các nhóm Tin Lành tự do trong Hội đồng Quốc gia các hội thánh; Các nhóm phái Công giáo bảo thủ e ngại sự hỗ trợ của nhà nước là phương cách mở ra sự can thiệp của

chính quyền dẫn tới quản lý các trường học của họ, các nhóm thế tục và các nhóm bảo trợ cho cộng đồng Do Thái Mỹ. Đội ngũ đó tương đồng nhưng không giống nhau trong các vấn đề liên quan tới tôn giáo trong các trường công¹⁴. Người Tin Lành phản đối sự hỗ trợ của nhà nước vì khoản hỗ trợ nói chung liên quan đến các tổ chức Công giáo sẽ thúc đẩy chương trình học tôn giáo đó trong các trường công. Vì một số người phản đối sự hỗ trợ từ phía nhà nước đối với các biểu hiện tôn giáo có lẽ bị thúc đẩy bởi thái độ thù địch đối với tôn giáo nói chung, nên cuộc tranh cãi đó chia rẽ nội bộ nhiều cộng đồng tôn giáo và sẽ là tốt hơn khi xem nó là cuộc nội chiến giữa các nhóm tôn giáo hơn là “cuộc chiến tranh tôn giáo” như đã được ghi nhận trong chiến dịch tranh cử năm 2012 của Đảng Cộng hòa.

Vì sự chia rẽ chiếm hầu hết các vụ việc của tòa án trong những năm 1940 đến 1970, nên cả hỗ trợ nhà nước và biểu hiện tôn giáo nơi công cộng đều bị giới hạn. Các quyết định của Tòa án không phổ biến với đa số người Mỹ - có lẽ khoảng 2/3 dân số - những người ủng hộ một số loại kiểu tổ chức thực hành nghi lễ tôn giáo ở trường công¹⁵. Không ngạc nhiên khi những người phản đối những quyết định này cố gắng bằng nhiều cách làm cho Tòa án Liên bang thay đổi quyết định nhưng đều không thành công¹⁶.

Từ những năm 1980, xu hướng thay đổi từ biệt lập thành thỏa hiệp đã diễn ra. Kết quả dẫn đến là sự chuyển đổi triết lý luật về giáo hội - nhà nước từ những thay đổi chính trị. Từ năm 1968 đến 2008, khoảng thời gian những người Đảng Cộng hòa kiểm soát Nhà Trắng nhiều gấp hơn hai lần số năm người Đảng Dân chủ kiểm soát. Sự cầm quyền của Đảng Cộng hòa tạo ra khả năng lớn hơn cho người Tin Lành Phúc Âm miền Nam vận động trong Đảng Cộng hòa và do đó làm giảm sự ảnh hưởng của người Công giáo. Trạng thái không cân bằng trong Đảng hướng tới các nhóm ủng hộ sự thỏa hiệp. Liên minh cầm quyền mới chuyển tiếng nói chính trong đề cử thành viên Tòa án Tối cao cho tổng thống thuộc Đảng Cộng hòa, người được chỉ định theo đó là một quan tòa có tính thỏa hiệp cao hơn, ít nhạy cảm hơn đối với việc tạo điều khoản chính thức hay thông cảm hơn đối với những đòi hỏi thể hiện tự do của các nhóm tôn giáo thiểu số. Mặc dù điều đó đôi khi dẫn tới sự cụ thể hóa¹⁷ và không thay đổi triệt để điều khoản thực hành nghi lễ ở trường học, nhưng kỷ nguyên mới của việc thỏa hiệp pháp lý bắt đầu hình thành từ giữa những năm 1980. Ngoài pháp lý, liên minh cầm quyền cũng đặt ra những cơ quan mới hỗ trợ điều hành và lập pháp, thay đổi chính sách quản trị thúc đẩy quyền dân sự, đánh dấu (đặc

biệt hỗ trợ) cho các tổ chức tôn giáo, và khuyến khích các nhóm tôn giáo ký kết và được công nhận của chính quyền¹⁸.

2. Tiếp cận tôn giáo với chính trị từ văn hóa

Làm thế nào và tại sao tôn giáo lại có sinh khí như vậy trong chính trị Mỹ? Mặc dù các biểu hiện giá trị tôn giáo tồn tại lâu dài và thiết yếu ở Mỹ, nhưng các học giả và người dân dường như rất lâu mới nhận ra sự tác động lên chính trị của tôn giáo ở đây. Trong việc tìm kiếm những dấu hiệu ảnh hưởng của tôn giáo đối với đời sống chính trị Mỹ, hầu hết các nhà quan sát đều đánh giá quan hệ qua lại giữa giáo hội - nhà nước hoặc những ảnh hưởng của các nhóm tôn giáo trong một khối thống nhất. Tôn giáo chính là nhân tố định hình đời sống văn hóa chính trị Mỹ.

Mặc dù người Mỹ thường nghĩ rằng đất nước họ là một “quốc gia mới”, lịch sử và sự phát triển của nó có khác biệt rất lớn với phần còn lại của thế giới, nhưng nhiều thứ chỉ có duy nhất trong văn hóa Mỹ có dấu vết di sản từ thời kỳ thực dân khai phá. Về tư tưởng chính trị Mỹ, yếu tố quan trọng trong di sản là sự nối tiếp của người khai phá và con cháu họ đối với trạng thái đặc biệt của Kitô giáo mà đã được trộn lẫn từ sự thay đổi của Tin Lành¹⁹. Thanh giáo cũng đi ngang Đại Tây Dương đến với những người Mỹ khai phá. Ở châu Mỹ, họ được tự do hình thành thứ văn hóa trong đó có hình ảnh Chúa, lòng yêu thương con người trong Tin Lành và nhà thờ trở thành hạt nhân trong việc quy tụ tư tưởng con người mỗi ngày.

Trong suốt thời sơ khai của nền chính trị Mỹ là dấu ấn của tư tưởng tôn giáo. Chẳng hạn, người Thanh giáo là những người ham đọc Kinh Thánh. Theo giáo lý Thanh giáo thì những con người bình thường không cần có kết nối trung gian nào giữa họ và Chúa nói chung, và thực sự với chính bản thân Chúa, Thanh giáo khuyến khích mỗi cá nhân tìm kiếm những chỉ dẫn siêu phàm trong Kinh Thánh. Cho tới thời kỳ cách mạng và có lẽ một thời gian sau đó, Kinh Thánh đã trở thành cuốn sách quen thuộc nhất với hầu hết người dân ở Mỹ. Ít nhất nó cũng hình thành môi trường chung được tạo bởi ngôn từ và ý thức của Kinh Thánh và điều đó cũng giải thích tại sao những tranh luận chính trị luôn bao chứa những lời lẽ của Kinh Thánh và tại sao logic Kinh Thánh được sử dụng để giải thích tình hình chính trị²⁰.

Đời sống chính trị Mỹ đương đại là sự phản ánh của nhiều khía cạnh. Từ tư tưởng gốc Thanh giáo đi tới ba nguyên lý đã cho thấy sự đặc biệt quan trọng đối với thực tế thông thường của chính trị Mỹ: thỏa hiệp với

các niềm tin tôn giáo, nhấn mạnh vào tổng thể hành động không tốt đẹp của con người, và khái niệm về dân tộc được lựa chọn. Mỗi nguyên lý được áp dụng bởi các nhà tư tưởng Thanh giáo và những người kế tục đối với sự trỗi dậy của chính trị. Tư tưởng thỏa hiệp giúp người Mỹ quyết định chấp nhận tuân thủ những điều kiện chính quyền yêu cầu. Nhận thức về tội lỗi con người của Thanh giáo cung cấp cơ sở cho việc thiết kế được một chính quyền duy trì được sự ổn định. Và tư tưởng về sự “được lựa chọn” khuyến khích người Mỹ suy nghĩ về vai trò truyền giáo của quốc gia. Mặc dù đã nhiều thế kỷ trôi qua, những tư tưởng đó vẫn tiếp tục tạo ra ảnh hưởng qua cách quản lý đời sống chính trị Mỹ²¹.

Hầu hết người Mỹ dùng tư tưởng thỏa hiệp khi thừa nhận công dân có bốn phận với chính quyền và chính quyền phải tôn trọng các quyền và tự do không thể đánh đổi của họ; họ cũng dường như chấp nhận mà không đòi hỏi vị trí của mình trong Tuyên ngôn độc lập rằng công dân có quyền chống lại chính quyền khi chính quyền đó từ chối nền tảng tự do. Ý tưởng về bốn phận có điều kiện, trong một bản “hợp đồng” giữa công dân và người cai trị có thể bị mất hiệu lực khi chính quyền ứng xử không đúng, là cơ sở của tư tưởng chính trị Mỹ. Mặc dù Hiến pháp không thừa nhận rõ ràng Chúa như một phần hoặc cầu khẩn sự phù hộ của Chúa - dấu hiệu của việc xây dựng xã hội thế tục - nhưng Hiến pháp mang những nhận thức thỏa hiệp trong một số điều khoản quan trọng²².

Tất nhiên, người Mỹ tiếp tục sống theo Hiến pháp, nhưng phải chăng họ gán với nhiều đặc tính tôn giáo cho nó? Một số nhà bình luận cho rằng Hiến pháp được bao bọc trong một thứ linh thiêng ảo thoáng qua. Nó thích trong trạng thái của một di vật linh thiêng, được đặt trong một nơi linh thiêng để người dân hành hương, đáng sáng tạo của nó được bảo vệ như các vị thánh hoặc các á thánh, và ý nghĩa của nó được giao phó cho nhóm phán xét tinh hoa (chẳng hạn như phán xét của Tòa án Tối cao) nhằm gây ấn tượng giống như “một thầy tu ngồi trong đền thờ”²³. Nếu không hoàn toàn là tôn giáo, Hiến pháp cung cấp cho công dân Mỹ bằng khuôn khổ quốc gia, các giá trị công dân bất khả xâm phạm, và những nghi thức có thể an ủi²⁴. Nếu họ cần nhắc nhở về nguồn gốc thỏa hiệp trong tư tưởng chính trị Mỹ, những người Mỹ thường có thể thấy từ các vị tổng thống của họ. Bill Clinton (1992) đề xuất cho người Mỹ một “sự thỏa hiệp mới cân bằng trách nhiệm của chính quyền đối với việc thúc đẩy cơ hội với nghĩa vụ của công dân để hành động có trách nhiệm”²⁵. Sau sự kiện 11/9, George W. Bush có đề nghị tương tự với người Mỹ, đặc biệt là thế hệ trẻ, trao lại

quyền của họ cho quốc gia bằng cách ủng hộ cuộc chiến chống khủng bố, trung thành tuyệt đối và sẵn sàng phục vụ cộng đồng²⁶.

Sự kiểm chế của Hiến pháp là một khía cạnh khác của Thanh giáo định hình hệ thống chính trị được kế tục sau Cách mạng Mỹ. Thanh giáo nhấn mạnh vào những tội lỗi vốn có của con người (một vấn đề lớn trong tư tưởng Thanh giáo) đã đưa ra các nguyên tắc điều hành mà những người lập quốc quan tâm trong điều chỉnh Hiến pháp trước khuôn khổ thuộc địa. Bản Hiến pháp, như một thiết lập trung tính của thỏa thuận tổ chức, hệ thống mà những người khai quốc thiết kế tạo ra với hình mẫu đạo đức hiện còn tiếp tục dẫn dắt đời sống chính trị Mỹ. Hệ thống chính trị Mỹ được thiết kế bởi các kiến trúc sư chính trị, những người đó nhận định rằng con người không thể được giao phó quyền lực. Để kiểm soát được chính quyền, họ chia quyền lực thành ba nhánh riêng biệt, trao cho họ công cụ thúc đẩy lẫn nhau, và họ bổ sung thêm sự an toàn cho các chính quyền địa phương (các bang) có quyền lực giống như vậy.

Một khía cạnh khác của đời sống chính trị Mỹ là khuynh hướng rất rõ ràng khi tiếp cận các vấn đề chính trị đều được đặt trong giới hạn của đạo đức mà phần lớn trong đó là di sản của Thanh giáo. Nhiều nhà bình luận rất lưu ý rằng phân tầng chính trị Mỹ được thúc đẩy bởi các biểu trưng có liên quan đến tôn giáo và điều đó dẫn tới các cuộc tranh cãi về việc lựa chọn chính sách thường bị ẩn dưới dạng hoàn toàn là giá trị đạo đức. Theo một số học giả, những viện dẫn cố định này về các hình ảnh tôn giáo và các biểu trưng trong văn hóa chính trị Mỹ cung cấp chứng cứ cho sự tồn tại của những gì được gọi một cách hết sức phong phú trong tư tưởng cộng đồng như tôn giáo chính trị, dân chủ tôn giáo, triết lý công, hoặc cái được gọi phổ biến hiện nay là tôn giáo dân sự.

Khi đánh giá những bài phát biểu của hai vị tổng thống gần đây, các nội dung thần học của tôn giáo dân sự vẫn còn có sức thuyết phục mạnh mẽ nhưng giữa các tổng thống là không giống nhau²⁷. Mặc dù George W. Bush và Barack Obama thường viện dẫn sự ngoại lệ Mỹ, nhưng họ vẫn nhấn mạnh hai khía cạnh trong sứ mệnh của quốc gia này. “Ngoại lệ báo trước” của Obama theo những quan sát gần đây²⁸ “xác định Mỹ có hình hài của mô hình lý tưởng đã được xây dựng chắc chắn - mô hình lý tưởng trong phổ biến tiềm năng cho toàn cầu mà quốc gia này đã cố gắng truyền bá, nhưng làm theo thường thất bại. Điều này được phản ánh nhiều hơn trong nhận thức chung và trong cách người Mỹ hối tiếc về sự quá mức của mình”. Không có sự lựa chọn mà là được áp dụng bằng cách thỏa

thuận để người dân chấp thuận làm theo những giá trị đạo đức cao quý trong đời sống chung. Theo người Mỹ, cách làm đó tốt hơn cách thúc đẩy vũ trang, sẽ tạo ra mô hình quyền lực giúp lan tỏa tự do trên toàn cầu.

Tương phản với Obama, trong bài phát biểu của George W. Bush có đề cập mạnh mẽ “cách làm của người Mỹ là cách làm của Chúa”²⁹ và Bush sẵn sàng hơn nhiều khi huy động sức mạnh quân sự như là phương tiện để nhận ra tầm nhìn của Chúa trên Trái Đất. Tuyên bố hùng hồn đó, gần với chủ nghĩa dân tộc Kitô giáo, dường như làm thế để được thừa nhận rằng nước Mỹ xứng đáng là mô hình cho các quốc gia khác bởi vì nó đã được Chúa lựa chọn. Còn tiên đoán hùng hồn của Tổng thống Obama thách thức nước Mỹ xây dựng một xã hội để cho những xã hội khác muốn được làm theo vì sự tự do của chính họ.

Có thể thấy tư tưởng chính trị Mỹ được hình thành từ nhiều yếu tố mang tính văn hóa bắt nguồn từ tôn giáo, cũng vì thế tư tưởng chính trị Mỹ có thể dễ dàng hơn trong việc đi vào tận gốc đời sống xã hội thế tục Mỹ. Sự lan tỏa niềm tin về cư xử của con người có khuynh hướng tội lỗi ở những người khai phá dẫn đến người Mỹ chấp nhận học thuyết chính quyền yếu. Tôn giáo giáo dục cả nam và nữ ở Mỹ luôn nghĩ về Chúa trong những công việc hằng ngày, vì thế người Mỹ có thể dễ dàng cho rằng có một bàn tay thần thánh dẫn dắt số phận của đất nước họ. Với cách nhìn nhận đó, tôn giáo là một trong các nhân tố làm cho sự phát triển của các tư tưởng chính trị thông thường trở nên dễ dàng. Mặc dù quốc gia trẻ này nổi bật với đặc điểm gốc là cuộc cách mạng tách biệt giữa tôn giáo và chính quyền, và trong khi hầu hết người Mỹ tiếp tục tin vào sự sáng suốt của nguyên tắc đó, thì vẫn không có sự hài hòa về làm thế nào áp dụng triết lý đó với những vấn đề thực tiễn giữa giáo hội và nhà nước./.

CHÚ THÍCH:

- 1 Kenneth D. Wald & Allison Calhoun-Brown (2014), *Religion and Politics in the United States*, Seventh edition, Rowman & Littlefield: 1.
- 2 Trong khi Mitt Romney là thành viên của Hội Thánh Chúa Jesus các Thánh ngày sau (Church of Jesus Christ of Latter - Day Saints), thì Obama không phải là tín đồ Islam giáo.
- 3 Walsh, Andrew D. (2000), *Religion, Economics and Public Policy*, Westport: Praeger.
- 4 Asmussen, Nicole (2011), “Polarized Protestants: A Confessional Explanation of Party Polarization”, Bài viết trình bày trong hội thảo thường niên của Hiệp hội khoa học Chính trị Mỹ, Seattle, WA; và McTague, John, and Shanna Pearson-Merkowitz (2013), “Voting from the Pew: The Effect of Senators’ Religious Identities on Partisan Polarization in the U.S. Senate”, *Legislative Studies Quarterly* 38: 405 - 430.

- 5 Elizabeth Tenety (2013), “State Department Seeks to Broaden Religious Reach”, *Washington Post*, July 26, http://www.articles.washingtonpost.com/2013-07-26/national/40862875_1_religion-part-international-religious-freedom-state-department.
- 6 Hastings, Philip K., and Dean R. Hoge (1986), “Religions and Moral Attitude Trends among College Student, 1948-1984”, *Social Forces* 65: 370-376; Hadden, Jeffrey (1987), “Toward Desacralizing Secularization Theory”, *Social Forces* 65: 587-611.
- 7 Những lời này được nghị sĩ Steven A. Geller phát biểu vào ngày 6/4/1994 trong một cuộc tranh luận ở Hạ viện Bang Florida.
- 8 Năm 2008, Báo cáo “State of the First Amendment Survey” của First Amendment Center chỉ ra rằng đa số người Mỹ tin rằng những người sáng lập nước Mỹ có ý định xây dựng Hoa Kỳ là một quốc gia Kitô giáo và do đó Hiến pháp có ý định thành lập quốc gia như thế. Xem: Heclo, Hugh (2007), “Is America a Christian Nation?”, *Political Science Quarterly* 122: 59-87.
- 9 Kenneth D. Wald & Allison Calhoun-Brown (2014), *Religion and Politics in the United States*, Seventh edition, Rowman & Littlefield: 69.
- 10 Diggins, John P. (1984), *The Lost of American Politics: Virtue, Self-Interest, and the Foundation of Liberalism*, New York: Basic Books: 80.
- 11 Cousins, Norman, comp. (1958), *In God We trust: The Religious Beliefs and Ideas of the American Founders*, New York: Harper: 67; Sandoz (1994), “Philosophical Foundations of Our Democratic Heritage: A Recollection”, *Presidential Studies Quarterly* 24: 669-673
- 12 Witt, John, Jr. (1991), “The Theology and Politics of the First Amendment Religion Clause: A Bicentennial Essay”, *Emory Law Journal* 40: 489-507.
- 13 Dierenfield, Bruce J. (2007), “The Most Hated Woman in America”: Madalyn Murray and the Crusade against School Prayer”, *Journal of Supreme Court History* 32: 62-84.
- 14 Ivers, Gregg (1995), *To Build a Wall: American Jews and the Separation of Church and State*. Charlottesville: University Press of Virginia.
- 15 Elifson, Kirk W., and C. Kirk Hadaway (1985), “Prayer in Public Schools: When Church and State Collide”, *Public Opinion Quarterly* 49: 319-329.
- 16 Hays, Bradley D. (2012), “The Curious Case of School Prayer: Political Entrepreneurship and the Resilience of Legal Institution”, *Politics and Religion* 5: 394-481.
- 17 Kobylka, Joseph F. (1995), “The Mysterious Case of Establishment Clause Litigation: How Organized Litigants Foiled Legal Change”, In *Contemplating Courts*, ed. Lee Epstein, 93-128. Washington, D.C: Press.
- 18 Neil A. Lewish (2007), “Justice Department Reshapes Its Civil Rights Mission,” *New York Times*, June 14; Diane Henriques and Andrew W. Lehren (2007), “Religious Groups Reap Federal Aid for Pet Projects”, *New York Times*, May 13.
- 19 Bercovitch, Sacvan (1975), *The Puritan Origin of the American Self*, New Haven, CT: Yale University Press.
- 20 Dreisbach, Daniel L. (2011), “The Bible in the Political Rhetoric of the American Founding”, *Politics and Religion* 4: 401-427.
- 21 Kenneth D. Wald & Allison Calhoun-Brown (2014), *Religion and Politics in the United States*, Seventh edition, Rowman & Littlefield: 43.
- 22 Hughey, Michael W. (1984), “The Political Covenant: Protestant Foundation of the American State”, *State, Culture and Society* 1: 113-156.

- 23 Rountree, William T., Jr. (1990), "Constitutionalism as the American Religion: The Good Portion", *Emory Law Journal* 39: 203-215.
- 24 Rountree, William T., Jr. (1990), "Constitutionalism as the American Religion: The Good Portion", bdd.
- 25 Barnes, Fred. (1992), "The New Covenant", *New Republic* 207: 32-34.
- 26 Bostdorff, Denise M. (2003), "George W. Bush's Post - September 11 Rhetoric of Covenant Renewal: Upholding the Faith of the Greatest Generation", *Quarterly Journal of Speech* 89: 293-319.
- 27 Roof, Wade Clark (2009), "America Presidential Rhetoric From Ronald Reagan to George W. Bush: Another Look at Civil Religion", *Social Compass* 56: 286-301.
- 28 Gorski, Philip S., and William McMillan (2012), "Barack Obama and American Exceptionalism", *Review of Faith & International Affairs* 10: 41-50.
- 29 Weaver, Jillinda (2008), "Civil Religion, George W. Bush Divine Mission, and an Ethics of Mission", *Political Theology* 9: 9-26.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Kenneth D. Wald & Allison Calhoun-Brown (2014), *Religion and Politics in the United States, Seventh edition*, Rowman & Littlefield.
2. Michael Corbett, Julia Corbett-Hemeyer, J. Matthew Wilson (2013), *Politics and Religion in the United States 2nd Edition*, Routledge.
3. Boris I. Bittker, Scott C. Idleman, Frank S. Ravitch (2015), *Religion and the State in American Law*, Cambridge University Press.
4. John Corrigan, Winthrop Hudson (2010), *Religion in America*, 8th Edition, Routledge.
5. George M. Marsden (2000), *Religion and American Culture*, 2nd Edition, Cengage Learning.
6. Robert Booth Fowler, Allen D Hertzke, Laura R. Olson, Kevin R. Den Dulk (2010), *Religion and Politics in America: Faith, Culture, and Strategic Choices Fifth Edition*, Westview Press.

Abstract

FAITH AND POLITICS

IN THE SOCIETY OF THE UNITED STATES OF AMERICA

Most Americans recognize the importance of religious faith towards politics, but this importance is different from their way of thinking. Religious faith clearly impacts on all aspects of political life in the United States, from civilians to politicians, its impact can be seen in the ordinary laws or in the action programs of the government. In the United States, religious traditions are not only an invisible supernatural power, but it also has a role in changing political behaviour of each person. Why is that? This article partly explains these issues.

Keywords: Religion, politics, society, secular, USA.